

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thông tin về công ty

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Số 0101178800

ngày 16 tháng 2 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010 và được điều chỉnh lần thứ 15 vào ngày 16 tháng 2 năm 2017.

Hội đồng Quản trị:	Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch (từ ngày 11 tháng 10 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thế Hường	Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)
	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)
	Bà Lê Thị Hà Thanh	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Ban Giám đốc:	Ông Ngô Thanh Sơn	Tổng giám đốc (từ ngày 16 tháng 8 năm 2016)
	Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh (từ ngày 16 tháng 8 năm 2016)
	Bà Phạm Thị Huyền Khanh	Miễn nhiệm từ ngày 02 tháng 4 năm 2018
	Bà Vương Vân Anh	Bổ nhiệm từ ngày 02 tháng 4 năm 2018
Ban Kiểm soát:	Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 30 tháng 09 năm 2016)
	Ông Ngô Văn Hùng	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
	Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Trụ sở đăng ký:	Tầng 22 và 24, tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 03 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thông tin về công ty

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			31/3/2018	31/3/2017
			VND	(Trình bày lại) VND
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn	100		227.412.100.577	250.915.539.374
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	37.293.984.787	26.223.546.290
Tiền	111		16.293.984.787	26.223.546.290
Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.557.101.933	145.068.724.255
Phải thu khách hàng	131	7	401.788.158.019	413.854.457.749
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	332.741.634.243	336.919.998.394
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	510.687.675.715	515.272.552.862
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	10	(1.123.659.608.544)	(1.122.321.187.238)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	343.659.988
Hàng tồn kho (140=141+149)	140	11	64.335.105.922	77.074.361.757
Hàng tồn kho	141		102.574.893.578	118.906.448.661
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(38.239.787.656)	(41.832.086.904)
Tài sản ngắn hạn khác	150	12	3.225.907.935	2.548.907.072
Trả trước ngắn hạn	151		2.745.429.219	1.524.061.015
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		317.516.898	413.260.887
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	162.961.818	611.585.170
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220+230 +	200		405.279.909.080	436.016.446.260
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.759.922.004	8.574.894.483
Phải thu dài hạn khác	216	9	6.759.922.004	8.574.894.483
Tài sản Cố định (220=221+224+227)	220		373.979.182.071	411.695.941.606
TSCĐ Hữu hình (221=222+223)	221	13	319.788.070.815	350.798.792.676
Nguyên Giá	222		667.767.443.688	666.901.458.900
Khấu hao	223		(347.979.372.873)	(316.102.666.224)
TSCĐ thuê TC (224=225+226)	224	14	53.895.866.162	60.843.580.682
Nguyên Giá	225		76.611.929.888	76.611.929.888
Khấu hao	226		(22.716.063.726)	(15.768.349.206)
TSCĐ Vô hình	227	15	295.245.094	53.568.248
Nguyên Giá	228		415.000.480	103.680.480
Khấu hao	229		(119.755.386)	(50.112.232)
Tài sản dở dang dài hạn (240=241+242)	240		2.553.884.000	2.176.781.935
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.553.884.000	2.176.781.935
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
Đầu tư vào công ty con	251		72.853.000.000	72.853.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		750.000.000	750.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.750.000.000	110.750.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(184.353.000.000)	(184.353.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		21.986.921.005	13.568.828.236
Trả trước dài hạn	261		21.986.921.005	13.568.828.236
Tổng tài sản (270=100+200)	270		632.692.009.657	686.931.985.634

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			31/3/2018	31/3/2017
			VND	VND
NGUỒN VỐN				
C. Nợ Phải Trả (300=310+330)	300		134.229.900.011	204.068.842.858
Nợ ngắn hạn	310		98.737.251.295	159.510.496.107
Phải trả người bán - ngắn hạn	311	18	65.298.457.234	112.160.672.640
Khách hàng trả tiền trước ngắn hạn	312		5.039.359.460	9.189.544.850
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	536.712.726	-
Phải trả người lao động	314		237.757.699	3.132.120.826
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	13.027.938.234	17.285.080.841
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.584.543.974	4.125.794.982
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	13.012.481.968	13.617.281.968
Nợ dài hạn (330=331+332+...+342+343)	330		35.492.648.716	44.558.346.751
Phải trả dài hạn khác	337	20	27.610.636.745	22.454.252.812
Vay và nợ thuê TC Dài hạn	338	22	7.882.011.971	22.104.093.939
Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	23	498.462.109.646	482.863.142.776
Vốn chủ sở hữu	410		498.462.109.646	482.863.142.776
Vốn góp của chủ	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
Thặng dư vốn	412		402.288.328.850	402.288.328.850
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.048.039.164.456)	(1.063.638.131.326)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ</i>	<i>421a</i>		<i>(1.063.638.131.326)</i>	<i>(1.031.304.631.533)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>15.598.966.870</i>	<i>(32.333.499.793)</i>
Tổng cộng nguồn vốn (440= 300 + 400)	440		632.692.009.657	686.931.985.634

Ngày 28 tháng 04 năm 2018

Người lập



Đào Thị Hoa
Kế toán

Người duyệt



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Ngô Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
			VND	VND	VND	VND
						(Trình bày lại)
Tổng doanh thu	01	24	103.818.489.097	122.616.501.180	537.128.610.449	483.855.538.665
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	185.861.886	1.019.811.806	3.483.017.730	1.909.447.834
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	103.632.627.211	121.596.689.374	533.645.592.719	481.946.090.831
Giá vốn hàng bán	11	25	80.908.559.043	79.250.346.538	408.776.170.489	391.362.440.010
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		22.724.068.168	42.346.342.836	124.869.422.230	90.583.650.821
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	165.992.150	94.057.321	781.926.474	430.182.136
Chi phí tài chính	22	27	1.482.245.537	2.620.925.958	3.970.395.769	6.881.231.152
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		561.459.297	968.906.364	3.049.429.388	4.438.545.561
Chi phí bán hàng	25	30	30.224.644.147	19.512.045.600	106.328.310.693	45.931.330.168
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	(1.441.309.073)	15.821.962.104	29.005.780.244	74.288.285.769
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24+25)}	30		(7.375.520.293)	4.485.466.495	(13.653.138.002)	(36.087.014.132)
Thu nhập khác	31	28	14.268.550.769	4.512.884.465	32.000.372.386	14.341.164.341
Chi phí khác	32	29	1.549.973.647	1.673.875.977	2.748.267.514	10.587.650.002
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		12.718.577.122	2.839.008.488	29.252.104.872	3.753.514.339
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.343.056.829	7.324.474.983	15.598.966.870	(32.333.499.793)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.343.056.829	7.324.474.983	15.598.966.870	(32.333.499.793)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		47	65	139	(287)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

11/1 530/2 1-11

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 02 - DN

*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Giải trình chênh lệch trên 10%:

Doanh thu Quý 4/2017 giảm 17,9 tỷ VND tương ứng với giảm 15% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế Quý 4/2017 giảm 1,9 tỷ VND so với lãi sau thuế cùng kỳ năm trước. Lý do chủ yếu là doanh thu bán hàng của năm 2017 đã phát sinh đều ở những quý trước trong năm. Thực tế doanh thu cả năm 2017 tăng 51,6 tỷ tương ứng với 11% so với năm 2016.

Ngày 28 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng



Lê Thị Hà Thanh



Tổng Giám đốc

Ngô Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày	Giai đoạn từ ngày
			01/04/2017 đến 31/03/2018	01/04/2016 đến 31/03/2017 (Trình bày lại)
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		15.598.966.870	(32.333.499.793)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		63.394.976.329	62.635.259.194
- Các khoản dự phòng	03		(2.253.877.942)	24.836.414.839
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		573.135.254	1.651.305.591
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		516.079.683	9.214.081.898
- Chi phí lãi vay	06		3.049.429.388	4.438.545.561
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08=01+02+03+04+05+06+07)	08		80.878.709.582	70.442.107.290
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.534.461.150	(39.999.108.101)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.331.555.083	107.802.358.881
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(55.797.277.534)	(37.453.426.078)
- Tăng, giảm Chi phí trả trước	12		(9.639.460.973)	(4.980.306.076)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.148.667.987)	(4.602.647.781)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(28.105.000.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20=08+09+10+...+16+17)	20		52.159.319.321	63.103.978.135
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26.909.468.408)	(32.509.694.538)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		215.294.519	3.035.064.914
3. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		432.175.033	161.183.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (30=21+22+...+26+27)	30		(26.261.998.856)	(28.561.445.943)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		29.838.092.950	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(35.655.613.442)	(3.876.800.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 01/04/2017 đến 31/03/2018	Giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến 31/03/2017 (Trình bày lại)
			VND	VND
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9.009.361.476)	(12.012.481.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)	40		(14.826.881.968)	(15.889.281.968)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11.070.438.497	18.653.250.224
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	26.223.546.290	7.570.296.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	37.293.984.787	26.223.546.290

Ngày 28 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Thị Hà Thanh

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Ngô Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

- * Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- * Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- * Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- * Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- * Cho thuê máy móc, thiết bị y tế; và
- * Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một công ty con và một công ty liên kết .

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 Công ty có 189 nhân viên (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 241 nhân viên)

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3 Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

4 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

© Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí.

Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

* Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
* Máy móc và thiết bị	6 – 12 năm
* Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
* Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán.

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện.

Thu nhập được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng) thay vì được ghi nhận riêng biệt vào từng dòng doanh thu và chi phí theo như hướng dẫn hạch toán của Thông tư 200 đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát. Tuy nhiên, Công ty đánh giá việc ghi nhận thu nhập thuần này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính và không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ thuần của Công ty.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này

® Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

- Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo;
- (i)
- (ii) Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo;
- (iii) Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh;
- (iv) Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của đơn vị lập báo cáo;
- (v) Bên đó là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (i) hay (iv); hoặc
- (vi) Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (iv) hoặc (v).

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.713.079.000	11.746.312.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.580.905.787	14.477.234.290
Các khoản tương đương tiền (i)	21.000.000.000	-
Cộng	37.293.984.787	26.223.546.290

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

31/3/2018

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
				VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Đầu tư vào công ty con				73.603.000.000	(73.603.000.000)	
· Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100%	100%	72.853.000.000	(72.853.000.000)	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750.000.000	(750.000.000)	(*)
Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế				110.750.000.000		
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110.750.000.000	(110.750.000.000)	(*)
				184.353.000.000	(184.353.000.000)	(*)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

31/3/2017

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
				VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Đầu tư vào công ty con				73.603.000.000	(73.603.000.000)	
· Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100%	100%	72.853.000.000	(72.853.000.000)	
Đầu tư vào công ty liên kết						
· Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25%	25%	750.000.000	(750.000.000)	
Đầu tư vào dự án liên kết Thiết bị y tế				110.750.000.000	(110.750.000.000)	
· Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên				110.750.000.000	(110.750.000.000)	
				184.353.000.000	(184.353.000.000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

7 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	88.842.829.825	88.842.829.825
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	58.647.065.137	58.647.065.137
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	33.792.574.163
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	17.538.520.392	17.538.520.392
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	10.797.500.000
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	-	4.545.638.747
Các khách hàng khác	192.169.668.502	199.690.329.485
Cộng	401.788.158.019	413.854.457.749

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 32)

- 4.545.638.747

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 bao gồm khoảng 260 tỷ đồng (số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016) là khoản phải thu của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này.

8 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	41.843.256.592	42.643.256.592
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	29.872.783.121
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	24.725.000.000	24.725.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
Gold Lite PTE Ltd.,	14.851.200.000	14.851.200.000
Các công ty khác	10.138.488.016	13.516.852.167
Cộng	332.741.634.243	336.919.998.394

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 32)

41.753.256.592

42.643.256.592

9 PHẢI THU KHÁC

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	510.687.675.715	515.272.552.862
Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
Phải thu từ cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
Phải thu từ nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	3.477.746.986	3.477.746.986
Tạm ứng cho nhân viên	96.922.595.613	97.793.156.830
Ký quỹ ngắn hạn	2.809.595.618	7.162.725.859
Vốn liên kết với các viện	1.033.593.750	1.033.593.750
Phải thu khác	887.659.148	248.844.837
b. Dài hạn	6.759.922.004	8.574.894.483
Ký quỹ dài hạn	3.598.467.136	3.888.877.274
Vốn liên kết với các bệnh viện	3.161.454.868	4.686.017.209
Cộng	517.447.597.719	523.847.447.345

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ bên liên quan đến BGD tiền nhiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

10 NỢ XẤU

	31/3/2018			31/3/2017		
	VND	VND		VND	VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
					(Trình bày lại)	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	401.788.158.019	103.311.266.292		330.194.210.863	33.153.782.610	
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	88.842.829.825	-	Trên 3 năm	88.842.829.825		Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	58.647.065.137	-	Từ 2-3 năm	58.647.065.137		Từ 2-3 năm
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	Từ 2-3 năm	33.792.574.163		Từ 2-3 năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	17.538.520.392	-	Không xác định	17.538.520.392		Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	Từ 2-3 năm	10.797.500.000		Từ 2-3 năm
Công ty TNHH một thành viên 16A-(Bệnh Viện Đa Khoa 16A Hà Đông)	17.028.030.001		Từ 6 tháng-1 năm			Từ 6 tháng-1 năm
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	-		Từ 6 tháng-trên 3 năm	4.545.638.747	2.864.553.026	Từ 6 tháng-trên 3 năm
Khác	175.141.638.501	103.311.266.292		116.030.082.599	30.289.229.584	
<i>(Trình bày lại)</i>						
Trả trước cho người bán ngắn hạn	332.741.634.243	6.934.064.859		326.710.769.387	30.800.003	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	Không xác định	190.230.906.514	-	Không xác định
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	41.753.256.592	-	Không xác định	42.643.256.592	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	Không xác định	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	24.725.000.000	-	Không xác định	24.725.000.000	-	Không xác định
RC Medical Co., Ltd.	21.080.000.000	-	Không xác định	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	-	Không xác định	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	10.228.488.016	6.934.064.859	Không xác định	3.307.623.160	30.800.003	Không xác định
Phải thu ngắn hạn khác	501.201.071.995	2.525.394.312		501.595.851.434	3.494.683.083	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	315.360.806.472	-	Không xác định	315.360.806.472		Không xác định
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	87.934.458.528	-	Không xác định	87.934.458.528		Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên hoặc nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	91.313.131.985	33.950.724	Không xác định	91.313.131.985	33.950.724	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	5.738.966.586	2.261.219.600	Không xác định	5.738.966.586	2.261.219.600	Không xác định
PT.Japan Asia Medical	574.509.332	-	Không xác định	-		Không xác định
Các đối tượng khác	279.199.092	230.223.988	Không xác định	1.248.487.863	1.199.512.759	Không xác định
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999.242.500	299.772.750		999.242.500	499.621.250	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	299.772.750	từ 1 năm đến 2 năm	999.242.500	499.621.250	từ 1 năm đến 2 năm
Cộng	1.236.730.106.757	113.070.498.213		1.159.500.074.184	37.178.886.946	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN*(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***11 HÀNG TỒN KHO**

	31/3/2018		31/3/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.503.814.282	-	8.878.740.430	-
Nguyên vật liệu	-	-	3.182.300	-
Hàng hóa	93.593.476.535	(38.239.787.656)	104.035.177.397	(41.832.086.904)
Hàng gửi đi bán	6.477.602.761		5.989.348.534	-
Cộng	102.574.893.578	(38.239.787.656)	118.906.448.661	(41.832.086.904)

Hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2018: 0 VND (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 0 VND)

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	2.745.429.219	1.524.061.015
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.584.431.234	320.084.180
- Các khoản khác	160.997.985	1.203.976.835
b. Dài hạn	21.986.921.005	13.568.828.236
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		2.765.473.282
- Chi phí sửa chữa bảo hành thiết bị, làm phòng chụp cắt lớp, cộng hưởng từ	13.403.247.858	9.807.645.359
- Các khoản khác	8.583.673.147	995.709.595
Cộng	24.732.350.224	15.092.889.251

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	974.236.364	645.401.906.764	20.093.902.887	431.412.885	666.901.458.900
Mua sắm	-	45.454.545	-	233.518.182	278.972.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	20.694.542.491	5.558.851.125	-	26.253.393.616
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(974.236.364)	(19.856.705.754)	(1.482.479.727)	(364.509.710)	(22.677.931.555)
Giảm khác: Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(2.988.450.000)	-	-	(2.988.450.000)
Số dư cuối kỳ	-	643.296.748.046	24.170.274.285	300.421.357	667.767.443.688
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	676.980.199	301.794.281.397	13.266.988.193	364.416.435	316.102.666.224
Khấu hao trong kỳ	92.270.863	54.718.641.756	1.509.308.778	57.397.258	56.377.618.655
Tăng do chuyển từ chi phí trả trước dài hạn					
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(769.251.062)	(19.113.017.516)	(1.325.555.228)	(341.134.168)	(21.548.957.974)
Giảm khác: Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(2.951.954.032)	-	-	(2.951.954.032)
Số dư cuối kỳ	-	334.447.951.605	13.450.741.743	80.679.525	347.979.372.873
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	297.256.165	343.607.625.367	6.826.914.694	66.996.450	350.798.792.676
Số dư cuối kỳ	-	308.848.796.441	10.719.532.542	219.741.832	319.788.070.815

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là: 50,5 tỷ VND được sử dụng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (ngày 31 tháng 3 năm 2017: 10,3 tỷ VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

14 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Máy móc và thiết bị
VND

Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	76.611.929.888
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-
Số dư cuối kỳ	76.611.929.888
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	15.768.349.206
Khấu hao trong kỳ	6.947.714.520
Chuyển sang khấu hao tài sản cố định hữu hình	-
Số dư cuối kỳ	22.716.063.726
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	60.843.580.682
Số dư cuối kỳ	53.895.866.162

15 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm máy tính
VND

Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	103.680.480
Mua sắm	311.320.000
Số dư cuối kỳ	415.000.480
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	50.112.232
Khấu hao trong kỳ	69.643.154
Số dư cuối kỳ	119.755.386
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	53.568.248
Số dư cuối kỳ	295.245.094

16 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.553.884.000	2.176.781.935
Cộng	2.553.884.000	2.176.781.935

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND		VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng		4.617.037.591	5.527.454.053	(59.915.408)
Thuế xuất, nhập khẩu		1.387.270.839	1.387.270.839	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(103.046.410)	-	-	(103.046.410)
Thuế thu nhập cá nhân	(508.538.760)	2.971.093.893	1.925.842.407	536.712.726
Thuế khác		54.952.785	54.952.785	
Cộng	(611.585.170)	9.030.355.108	8.895.520.084	373.750.908

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

611.585.170

162.961.818

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

536.712.726

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/3/2018		31/3/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	19.894.819.894	19.894.819.894	58.108.098.696	58.108.098.696
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	32.185.758.591	32.185.758.591	49.454.584.148	49.454.584.148
- Phải trả cho các đối tượng khác	13.217.878.749	13.217.878.749	4.597.989.796	4.597.989.796
Cộng	65.298.457.234	65.298.457.234	112.160.672.640	112.160.672.640

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		31/3/2018	31/3/2017
		VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn		8.817.131.760	11.669.572.979
- Trích trước hoa hồng kinh doanh		3.076.591.592	3.381.792.158
- Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm		-	866.707.794
- Trích trước tiền thuê văn phòng		-	532.964.651
- Trích trước chi phí lãi vay		143.708.700	242.947.299
- Các khoản trích trước khác		990.506.182	591.095.960
Cộng		13.027.938.234	17.285.080.841

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác.

20 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.584.543.974	4.125.794.982
- Kinh phí công đoàn;	515.600.497	437.603.339
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.068.943.477	3.688.191.643
b. Dài hạn	27.610.636.745	22.454.252.812
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	27.610.636.745	22.454.252.812
Cộng	29.195.180.719	26.580.047.794

(i) Phản ánh tiền nhận vốn góp của các cá nhân tham gia dự án liên kết thiết bị y tế tại các Bệnh viện.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đầu kỳ	Trong kỳ		Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	-	29.838.092.950	29.838.092.950	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam-Tây Hà Nội (BIDV)	-	29.838.092.950	29.838.092.950	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	1.604.800.000	901.200.000	1.506.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.000.000.000	750.000.000	750.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định	604.800.000	151.200.000	756.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	12.012.481.968	9.009.361.476	9.009.361.476	12.012.481.968
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	4.882.048.596	3.661.536.447	3.661.536.447	4.882.048.596
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Vietcombank	7.130.433.372	5.347.825.029	5.347.825.029	7.130.433.372
Hoàn trả trong vòng 12 tháng				
Cộng	13.617.281.968	39.748.654.426	40.353.454.426	13.012.481.968

22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/3/2017	Trong kỳ		31/3/2018
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay dài hạn	4.314.400.000	1.151.200.000	3.965.600.000	1.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2.500.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định	1.814.400.000	151.200.000	1.965.600.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	31.406.975.907	12.012.481.968	24.024.963.936	19.394.493.939
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	11.798.284.113	4.882.048.596	9.764.097.192	6.916.235.517
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Vietcombank	19.608.691.794	7.130.433.372	14.260.866.744	12.478.258.422
Cộng	35.721.375.907	13.163.681.968	27.990.563.936	20.894.493.939
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	13.617.281.968			13.012.481.968
- Số phải trả sau 12 tháng	22.104.093.939			7.882.011.971

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.031.304.631.533)	515.196.642.569
Lợi nhuận/lỗ thuần trong kỳ				(32.333.499.793)	(32.333.499.793)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.063.638.131.326)	482.863.142.776
Số dư đầu kỳ này	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.063.638.131.326)	482.863.142.776
Lợi nhuận/lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	15.598.966.870	15.598.966.870
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.048.039.164.456)	498.462.109.646

Cổ phiếu

Số cuối kỳ

Số đầu kỳ

-Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+Cổ phiếu phổ thông

112.500.171

112.500.171

-Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+Cổ phiếu phổ thông

112.500.171

112.500.171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 15, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

24 DOANH THU

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong đó:

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	72.284.467.593	93.318.666.143
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	25.892.091.730	26.014.080.177
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.641.929.774	3.283.754.860
Cộng	103.818.489.097	122.616.501.180

Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	185.861.886	1.019.811.806
Cộng	185.861.886	1.019.811.806

Doanh thu thuần

103.632.627.211

121.596.689.374

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	56.674.383.658	70.509.266.578
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	24.391.712.710	2.610.797.120
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.325.618.782	6.130.282.840
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.483.156.107)	
Cộng	80.908.559.043	79.250.346.538

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	164.694.294	94.057.321
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.297.856	
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	165.992.150	94.057.321

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	561.459.297	968.906.364
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	920.786.240	1.652.019.594
Cộng	1.482.245.537	2.620.925.958

28 THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Hỗ trợ tiếp thị sản phẩm	10.892.536.954	6.100.400.345
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-
Các khoản khác	3.376.013.815	(1.587.515.880)
Cộng	14.268.550.769	4.512.884.465

29 CHI PHÍ KHÁC

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Lỗi do thanh lý tài sản cố định	533.112.965	135.949.240
Chi phí khác	1.016.860.682	1.537.926.737
Cộng	1.549.973.647	1.673.875.977

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	(1.441.309.073)	15.821.962.104
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(8.474.811.446)	10.009.900.233
- Chi phí tiền lương	4.016.100.472	2.780.263.701
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.017.401.901	3.031.798.170
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	30.224.644.147	19.512.045.600
- Chi phí tiền lương	5.139.614.428	5.718.683.222
- Các khoản chi phí bán hàng khác	25.085.029.719	13.793.362.378

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

31 Thuế thu nhập

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

32 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan

Công ty TNHH Kyoto Medical Science
 Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Tín
 Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam - CTCP

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018	Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017
	VND	VND
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	1.623.892.952	253.343.836
Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	121.705.000	
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	81.818.182	
		-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/3/2018	31/3/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	-	4.545.638.747
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	-	4.545.638.747
Các khoản trả trước cho người bán	41.753.256.592	42.643.256.592
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	41.753.256.592	42.643.256.592

Thu nhập của BGD được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.492.972.347	1.100.346.332

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

33 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu của kỳ báo cáo năm trước được điều chỉnh lại để phù với việc so sánh số liệu của kỳ này:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.114.558.255.238)	(7.762.932.000)	(1.122.321.187.238)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	(24.570.567.793)	(7.762.932.000)	(32.333.499.793)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.525.353.769	7.762.932.000	74.288.285.769

Ngày 28 tháng 04 năm 2018

Người lập



Đào Thị Hoa

Kế toán trưởng



Lê Thị Hà Thanh

Ngày 28 tháng 04 năm 2018



Tổng Giám đốc
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ
VIỆT NHẬT
ĐÔNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Ngô Thanh Sơn